



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Điện Gia Lai

Ngày 31/12/2025	15,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.9%	-2.8%	-6.4%

DT thuần Q4/25
590
tỷ VNĐ
QoQ: ▼81.0 -12.0%
YoY: ▲ 35.0 6.4%

LN thuần Q4/25
91.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.30 -7.5%
YoY: ▲ 49.1 117%

LN sau thuế Q4/25
96.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0 19.9%
YoY: ▲ 83.7 675%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
54.8%
YoY: +/-▲ 13.2%

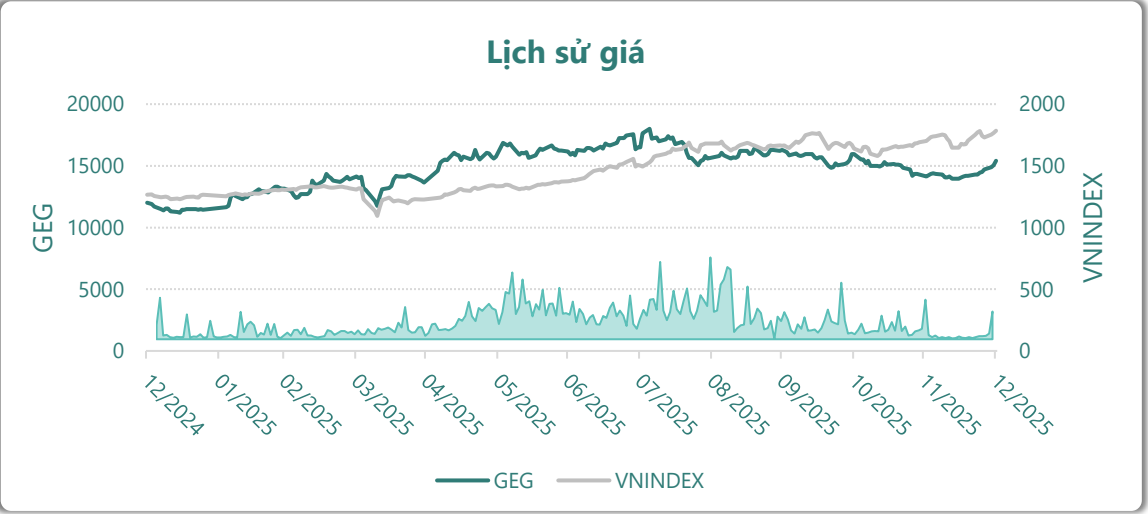
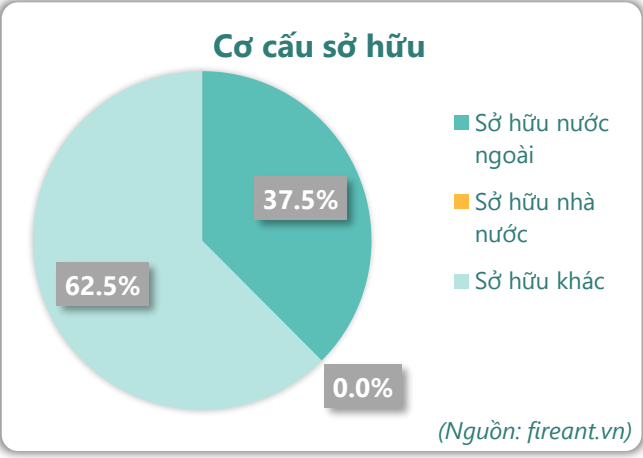
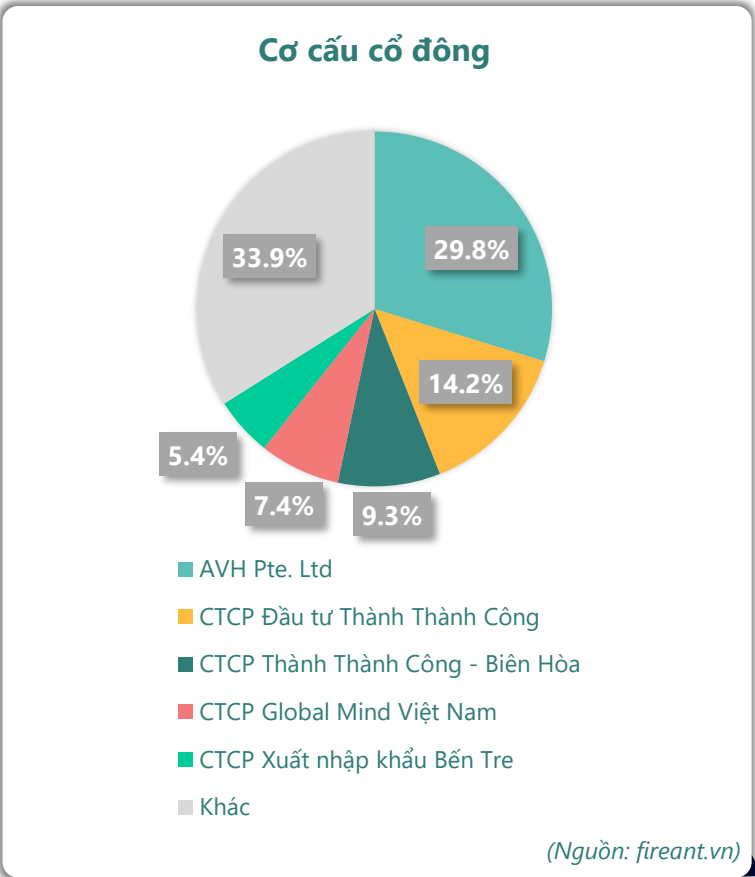
ROE 2025
11.5%
YoY: +/-▲ 9.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,200 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,399
Số lượng CPLH (CP)	350,604,371
KLGD BQ 20 phiên (CP)	586,465
Sở hữu nước ngoài	37.5%
Beta	0.53
EPS	2,003
P/E	7.7

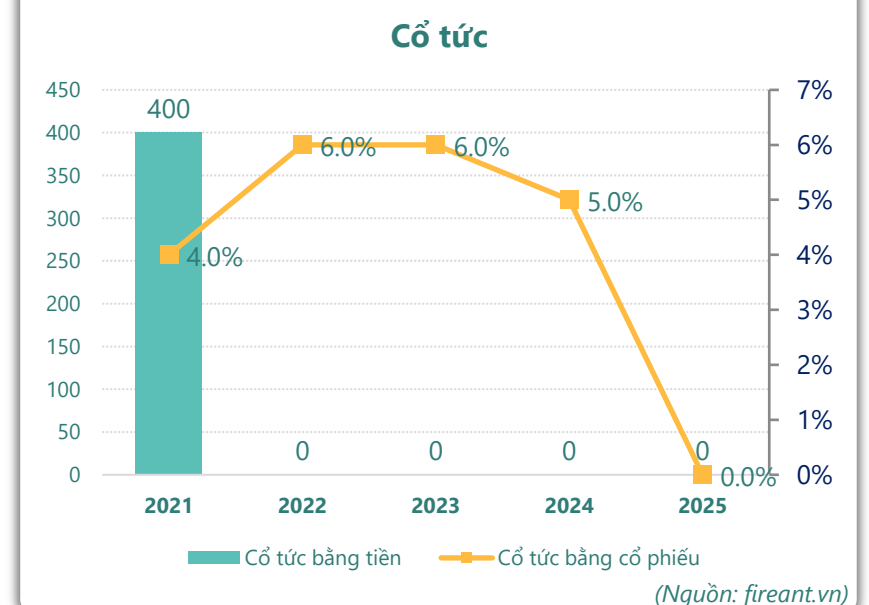
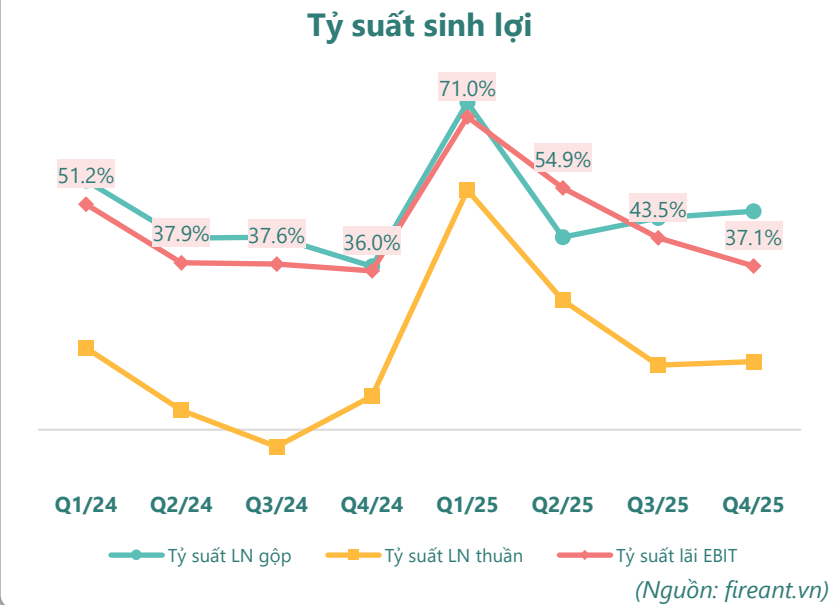
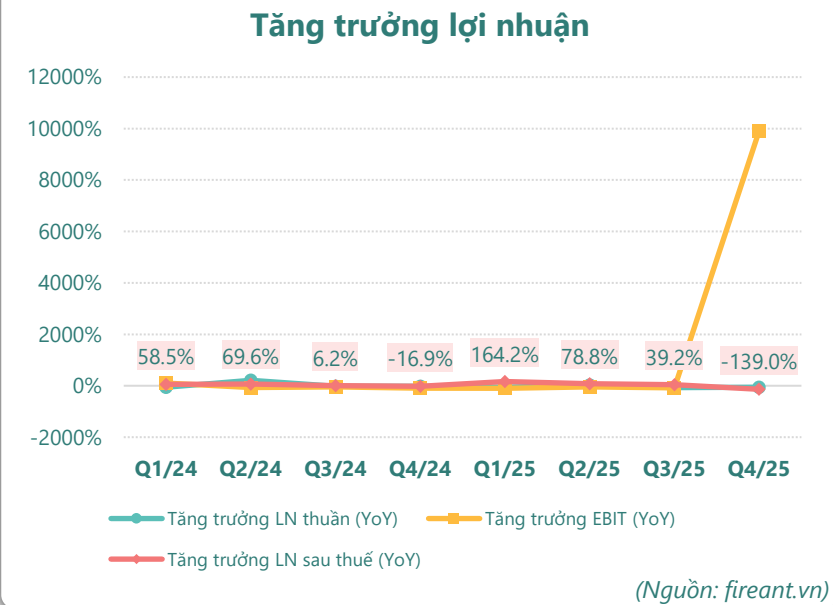
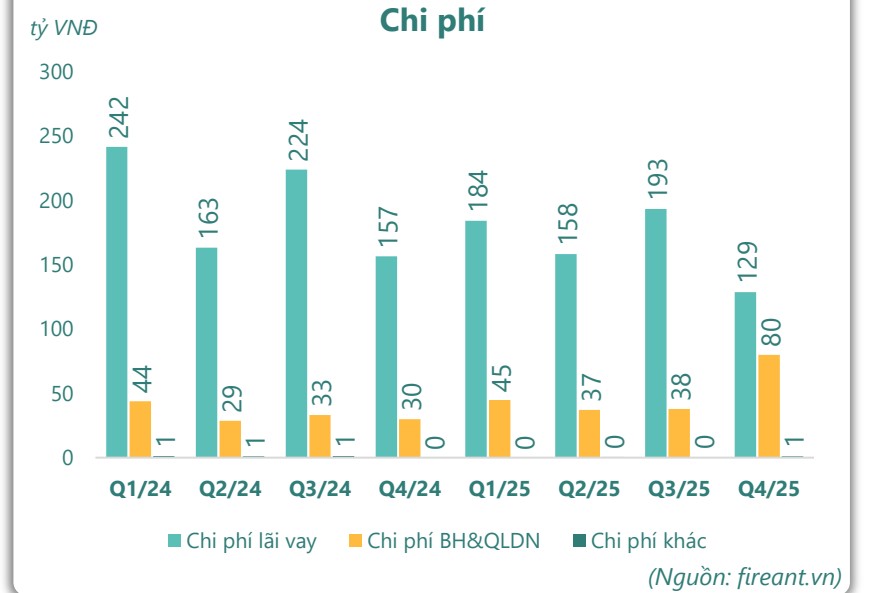
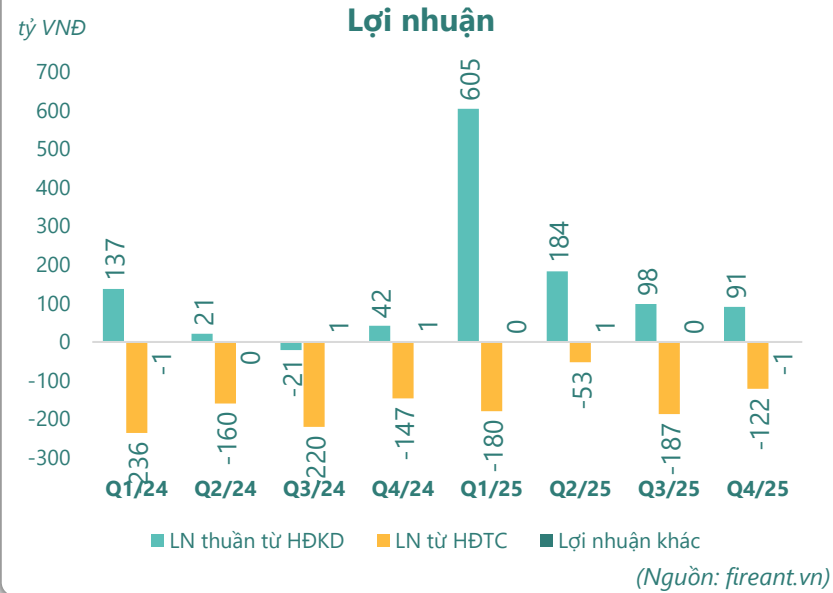
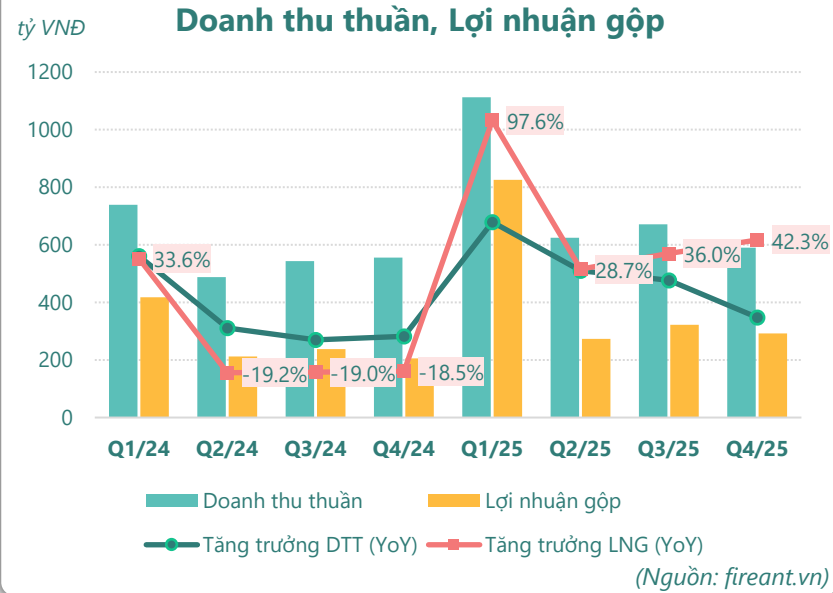
DT thuần 2025
2,999
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 674 29.0%

LN thuần 2025
978
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 798 443%

LN sau thuế 2025
947
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 855 928%



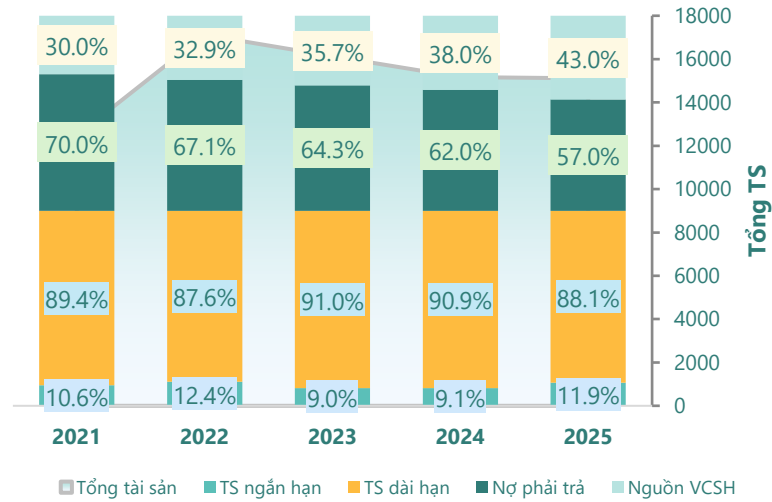
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

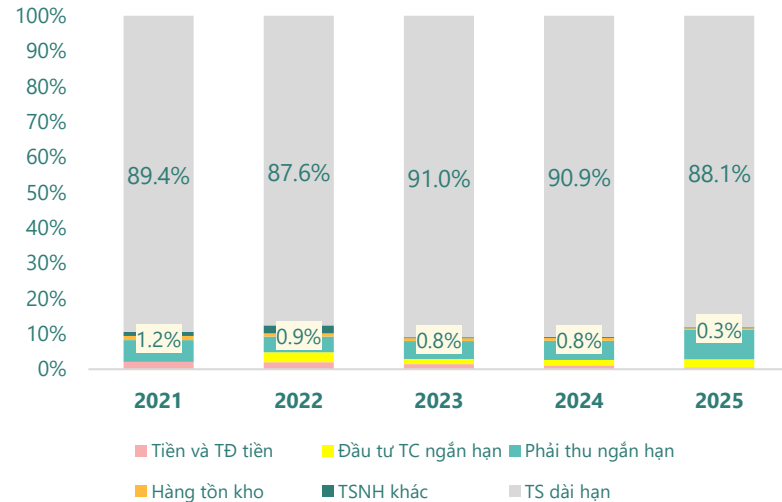
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

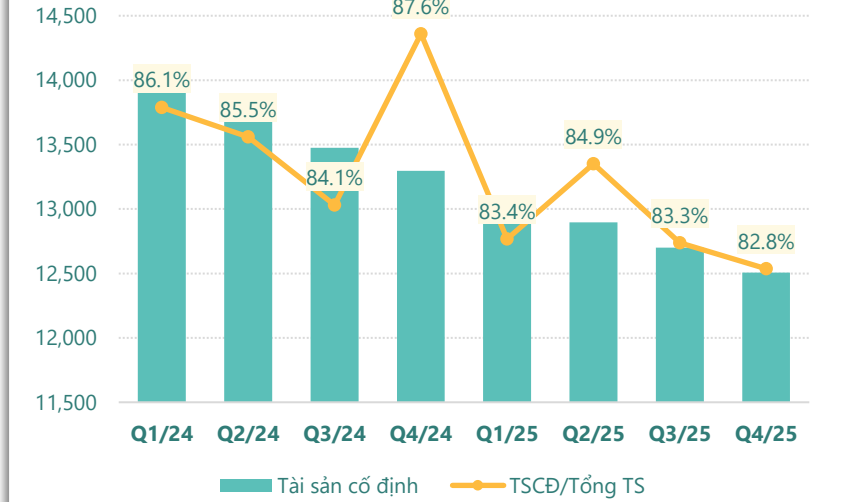
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

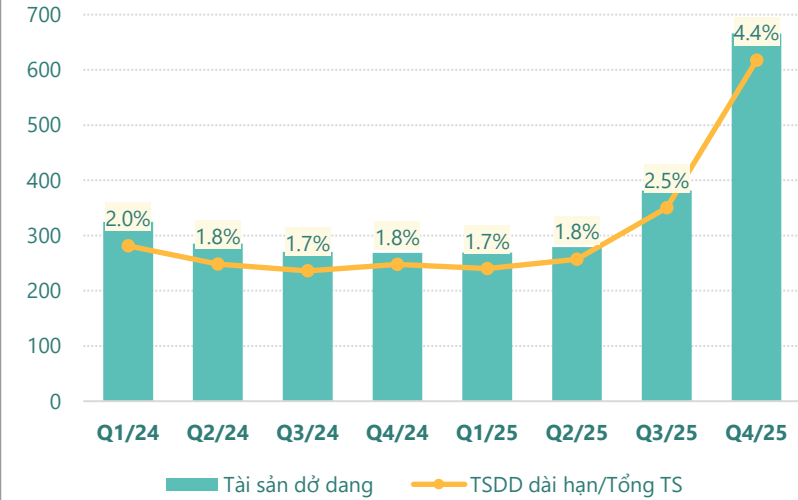
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

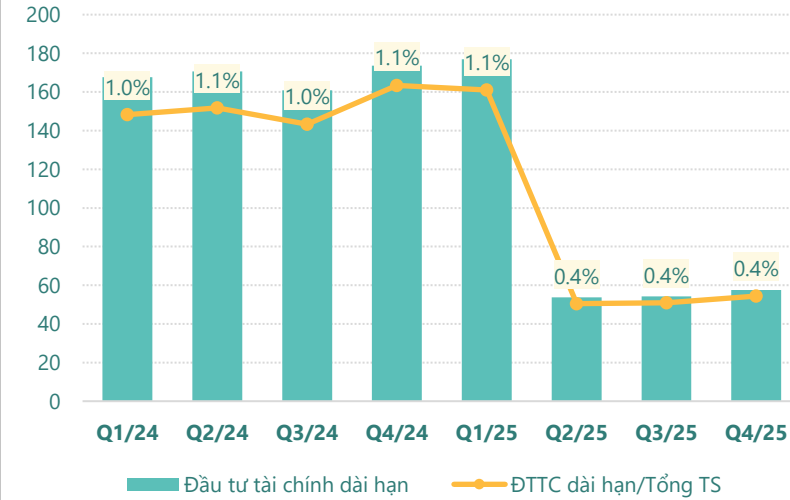
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

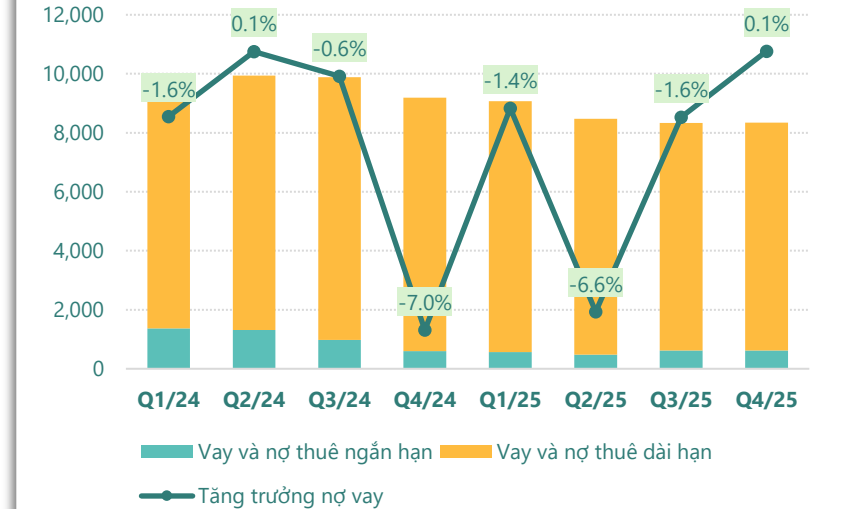
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

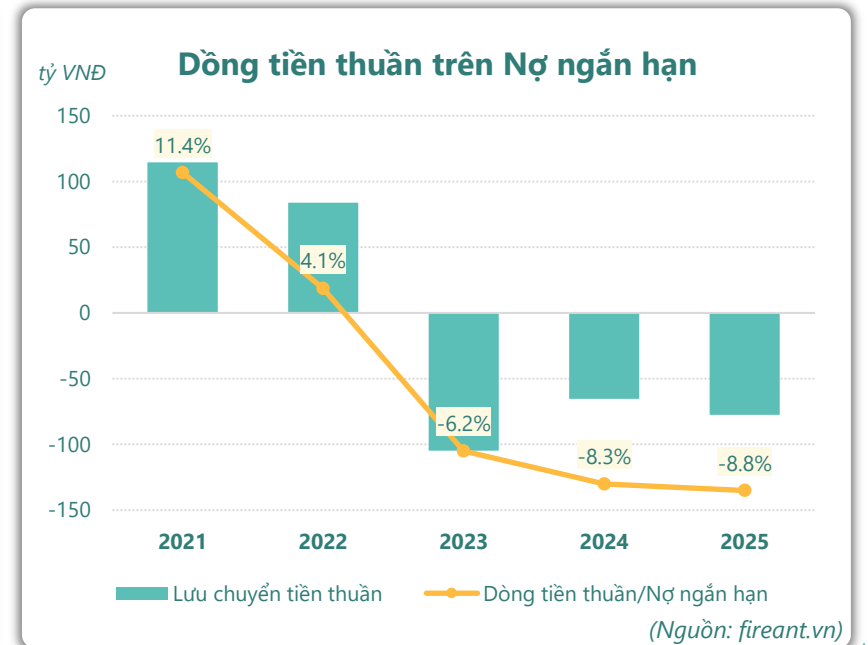
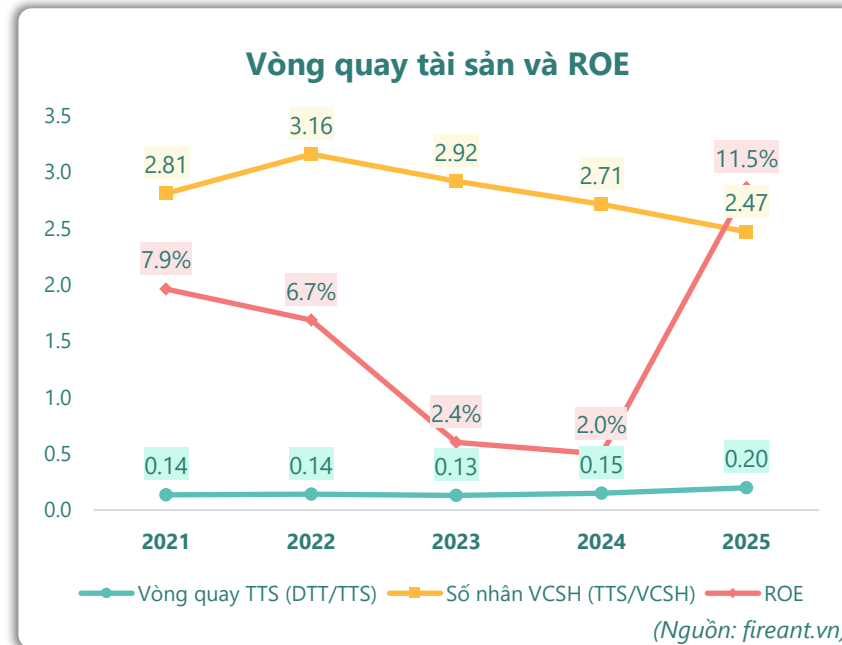
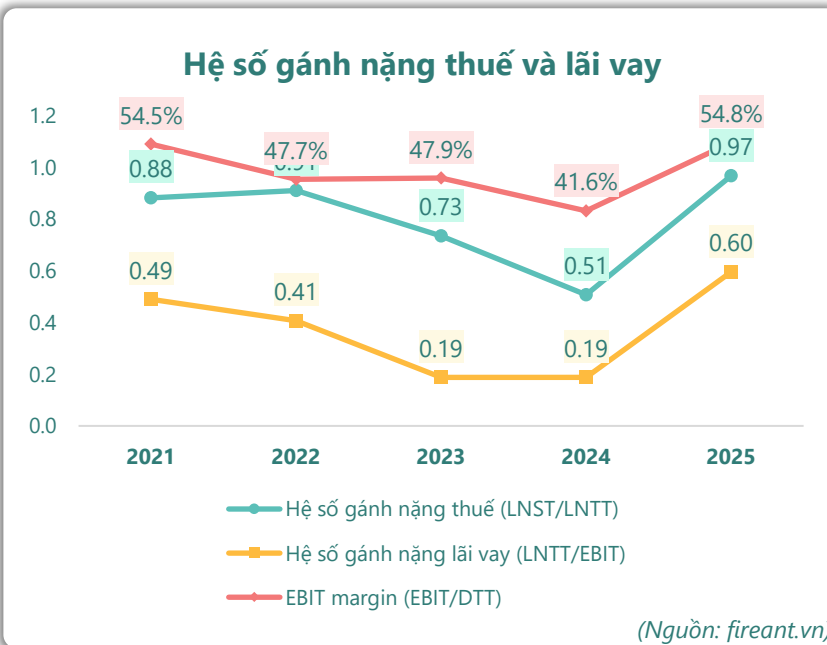
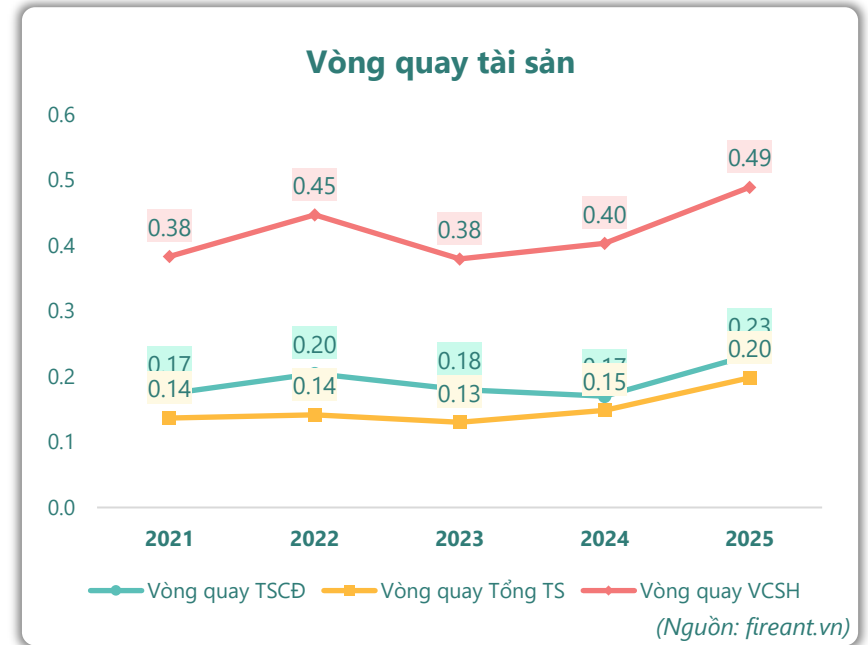
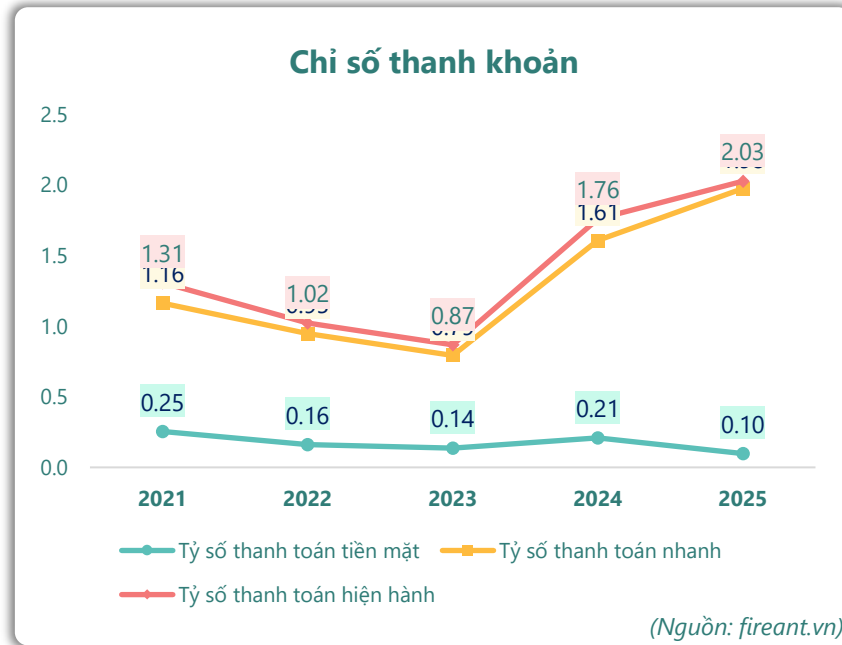
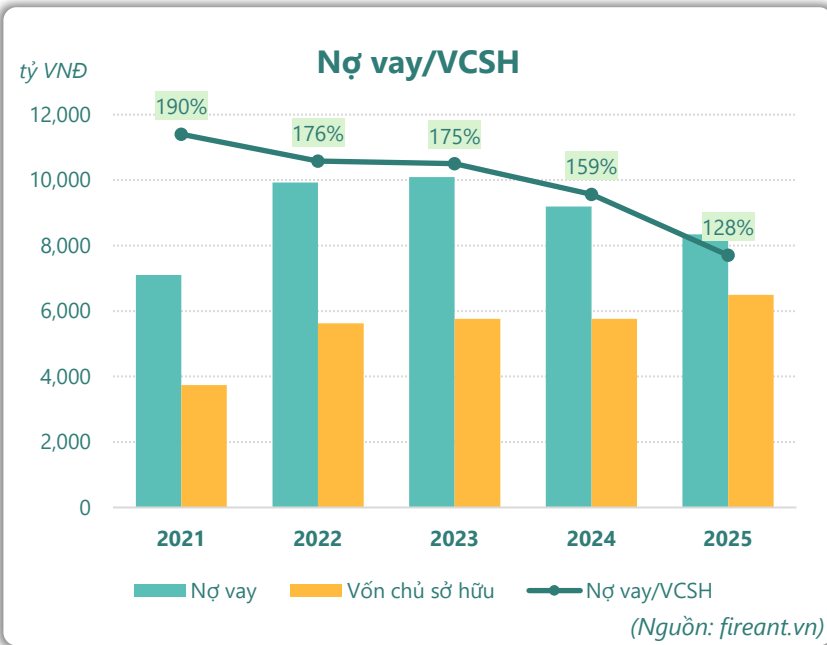
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	590	555	6.4%	2,999	2,325	29.0%
Giá vốn hàng bán	298	350	-14.9%	1,284	1,252	2.6%
Lợi nhuận gộp	293	206	42.1%	1,714	1,073	59.7%
Doanh thu HĐTC	7.41	9.35	-20.8%	142	38.0	273%
Chi phí TC	129	156	-17.2%	683	801	-14.7%
Chi phí lãi vay	129	157	-18.0%	665	786	-15.4%
LN trong công ty LKLD	0.20	12.7	-98.4%	4.99	5.37	-7.1%
Chi phí bán hàng	0	0.03	-100%	0	0.03	-100%
Chi phí QLDN	80.0	29.8	169%	200	135	47.7%
LN thuần từ HĐKD	91.1	42.0	117%	978	180	443%
Lợi nhuận khác	-0.50	1.49	-134%	0.65	1.57	-58.6%
LN trước thuế	90.6	43.5	108%	979	182	439%
Lợi nhuận sau thuế	96.1	12.4	675%	947	92.1	928%
LNST của CĐ cty mẹ	83.4	31.0	169%	702	115	512%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	213	120	62.3	487	307	76.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	80.4	-46.6	76.5	406	-238	-242
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.5	-770	-127	-595	-136	-154
Tiền đầu kỳ	581	861	164	175	474	406
Lưu chuyển tiền thuần	280	-697	11.7	298	-67.5	-320
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.00	0.05	0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	861	164	175	474	406	86.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,111	15,174	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	1,793	1,382	29.8%
Tiền và tương đương tiền	86.4	164	-47.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	335	239	40.0%
Phải thu ngắn hạn	1,280	823	55.5%
Hàng tồn kho	46.1	119	-61.2%
Tài sản ngắn hạn khác	45.7	36.5	25.4%
Tài sản dài hạn	13,318	13,792	-3.4%
Phải thu dài hạn	54.3	29.4	84.8%
Tài sản cố định	12,506	13,296	-5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	666	268	148%
Đầu tư tài chính dài hạn	57.6	174	-66.8%
Tài sản dài hạn khác	33.1	24.3	36.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,613	9,409	-8.5%
Nợ ngắn hạn	884	785	12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	616	597	3.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	32.3	-54.1%
Nợ dài hạn	7,729	8,624	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,727	8,596	-10.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,498	5,764	12.7%
Vốn chủ sở hữu	6,498	5,764	12.7%
Vốn điều lệ	4,148	4,225	-1.8%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

